

Tập 166

Xin xem A Di Đà Kinh Sớ Sao Diễn Nghĩa Hội Bản, trang ba trăm năm mươi bảy:

(Sớ) Bát Thánh Đạo giả, diệp danh Bát Chánh Đạo, điều tiền trạch pháp, cố nhập chánh đạo. Vị nhất Chánh Kiến, nhị Chánh Tư Duy, tam Chánh Ngữ, tứ Chánh Nghiệp, ngũ Chánh Mạng, lục Chánh Tinh Tấn, thất Chánh Niệm, bát Chánh Định.

(Diễn) Do tiền thất chi trạch pháp, nãi đoạn Kiến Hoặc, tức nhập thánh đạo. Thánh giả, chứng dã, cố diệp danh Chánh. Bát Thánh tự thể, tức Chánh Kiến đẳng, thử chi vi dụng, vi đoạn tu đạo chư phiền não cố.

(疏) 八聖道者，亦名八正道。繇前擇法，故入正道。謂一正見，二正思惟，三正語，四正業，五正命，六正精進，七正念，八正定。

(演) 由前七支擇法，乃斷見惑，即入聖道。聖者，證也，故亦名正。八聖自體，即正見等，此之為用，為斷修道諸煩惱故。

(Sớ: Bát Thánh Đạo còn gọi là Bát Chánh Đạo. Do trước đó đã chọn lựa pháp, nên nhập Chánh Đạo, tức là: Một là Chánh Kiến, hai là Chánh Tư Duy, ba là Chánh Ngữ, bốn là Chánh Nghiệp, năm là Chánh Mạng, sáu là Chánh Tinh Tấn, bảy là Chánh Niệm, tám là Chánh Định.

Diễn: Do Trạch Pháp trong Thất Giác Chi trước đó mà đoạn Kiến Hoặc, bèn nhập thánh đạo. Thánh là chứng, nên cũng gọi là Chánh. Tự thể của tám thánh đạo chính là Chánh Kiến v.v., những điều còn lại là Dụng, vì nhằm tu đạo, đoạn các phiền não).

Lời giải thích ở đây nhằm thuyết minh ý nghĩa thông thường được bao hàm trong danh từ Bát Chánh Đạo (Āryaṣṭāṅgamārgaḥ). Từ lời chú giải, chúng ta biết tiêu chuẩn của Chứng là “đoạn Hoặc”. Trong pháp Tiểu Thừa, đoạn Kiến Hoặc bèn chứng Thánh Đạo, chứng đắc Sơ Quả. Sơ Quả là thánh nhân, nên bốn quả từ Tu Đà Hoàn đến A La Hán đều gọi là thánh nhân. Kinh thường nói tới ba thứ Bất Thoái, khi ấy, đã đạt Vị Bất Thoái, tuyệt đối chẳng lui sụt xuống địa vị phàm phu. Từ đó trở đi, bảy lần qua lại trong cõi trời và nhân gian, nhất định chứng quả A La Hán. Nếu lần thứ bảy sanh trong nhân gian, mà nhân gian chẳng có Phật pháp thì sẽ như

thế nào? Chẳng có Phật pháp, vị ấy bèn thành Độc Giác, tức là Bích Chi Phật, vẫn chứng quả, tuyệt đối chẳng cần chờ đến lần thứ tám. Do đó, bảy lần quyết định chứng quả. Đó là Bát Chánh Đạo của Tiểu Thừa.

Đối với Đại Thừa, bộ kinh này là đại pháp viên đôn. Đại Thừa Viên Giáo cũng nói đoạn Kiến Hoặc. Đã đoạn Kiến Hoặc, bèn chứng đắc địa vị Sơ Tín Bồ Tát, cũng là Vị Bất Thoái. Tịnh Tông thường nói tới tâm thanh tịnh, tâm thanh tịnh có tiêu chuẩn hay không? Có! Tiêu chuẩn thấp nhất là đoạn Kiến Hoặc, tiêu chuẩn cao hơn một tầng là đoạn Tư Hoặc. Đã đoạn Kiến Hoặc là Sự nhất tâm bất loạn. Chư vị phải biết: Sự nhất tâm bất loạn có cạn và sâu, đây là Sự nhất tâm ở mức độ cạn nhất. Địa vị Sự nhất tâm sâu nhất sẽ bằng A La Hán trong Tiểu Thừa, Tư Hoặc cũng đoạn sạch. Tuy chẳng đoạn Kiến Tư Hoặc, nhưng có năng lực khuất phục chúng, tức là Kiến Tư phiền não chẳng khởi tác dụng, chúng còn có hay không? Có! Chưa đoạn! Nhưng một câu Phật hiệu đắc lực, Phật hiệu có thể khuất phục phiền não, khiến cho phiền não chẳng khởi tác dụng, đó gọi là “công phu thành phiền”. Có năng lực ấy, quyết định đời nghiệp vãng sanh, sanh trong cõi Phạm Thánh Đồng Cư. Nếu đắc Sự nhất tâm bất loạn, sanh về Tây Phương Cực Lạc thế giới, là cõi Phương Tiện Hữu Dư. Vì thế, [người vãng sanh về] cõi Phương Tiện Hữu Dư đều là người chứng quả, mức độ thấp nhất cũng là chứng đắc Sơ Quả.

Do trạch pháp trong phần trước, Thất Bồ Đề Phần là chọn lựa pháp môn; trong vô lượng vô biên pháp môn, quý vị tự mình chọn lựa. Sau khi đã chọn lựa chắc chắn, bèn dùng sáu chỉ còn lại để giúp quý vị tu học thành tựu; nhưng trong tu học, nhất định phải chú trọng đoạn phiền não. Phiền não chẳng đoạn, chẳng thể coi là thành tựu, chư vị ngàn vạn phần phải ghi nhớ điều này. Chúng ta tu hành, tu học một thời gian dài, nhưng chẳng đạt được hiệu quả tu học mong đợi, nguyên nhân là do chúng ta đã sơ sót chuyện đoạn Hoặc, nhất là người hiện thời, người hiện thời tu học gì? Do giáo dục phổ cập, mọi người học hành mấy ngày đều nhận biết mấy chữ, nên tu hành biến thành tu văn tự Phật pháp! Tu văn tự Phật pháp nhiều, không chỉ chẳng có lợi, mà còn biến thành văn tự chướng. Dầu quý vị có thành tựu, nhưng thành tựu lớn nhất là trở thành một nhà Phật học, hoặc tiến sĩ Phật học, như vậy mà thôi! Một phẩm Kiến Tư phiền não cũng không đoạn. Không chỉ chẳng thể đoạn, mà còn tăng trưởng, vì sao? Học vấn to lớn, mắt trợn ngược lên đỉnh đầu, xem thường kẻ khác, kiêu căng, ngã mạn, học Phật bèn học thành như vậy, rất đáng tiếc! Chúng ta thấy cổ đại đức tu học chú trọng đoạn phiền não, đoạn tập khí, phải diệt trừ tập khí phiền não. Kinh luận hiểu nhiều hay ít chẳng sao cả, thậm chí kinh

luận chẳng thông chút nào, nhưng người ta đoạn sạch Kiến Tư phiền não, chứng quả thành thánh nhân.

Các đồng tu nghe giảng với tôi đều đã nghe kể chuyện một bạn học của lão pháp sư Đàm Hư. Học trò, tức đồ đệ của lão hòa thượng Đế Nhân, xuất thân là một người làm việc nặng, chẳng biết chữ nào, cũng chưa nghe giảng kinh lần nào, cuộc sống rất khổ, cuộc sống khổ sở đến mức sống không nổi, bèn tìm pháp sư Đế Nhân, muốn theo Ngài xuất gia. Pháp sư Đế Nhân chỉ dạy ông ta sáu chữ Nam-mô A Di Đà Phật; ông ta rất thật thà, rất nghe lời. Suốt ngày từ sáng đến tối niệm một câu Nam-mô A Di Đà Phật, niệm đã mệt bèn nghỉ ngơi. Nghỉ khỏe khoắn rồi lại niệm, người ta niệm ba năm bèn đứng vắng sanh. Biết trước lúc mất, chẳng ngã bệnh, đứng mất, sư phụ là lão pháp sư Đế Nhân còn chẳng bằng ông ta! Lão pháp sư Đế Nhân thông Tông, thông Giáo, là một vị tổ sư thuở ấy mà cũng chẳng bằng ông ta, thật đấy! Chẳng giả tí nào! Sau khi đã chết còn đứng sững ở đó ba ngày, chờ lão hòa thượng đến lo liệu hậu sự cho mình, chẳng đơn giản!

Do vậy, có thể biết, kinh giáo học cho nhiều, chẳng hay ho gì! Tu học Phật pháp là khiến cho tâm thật sự thanh tịnh, chẳng nhiễm mảy trần, tu giác chứ không mê, chánh chứ không tà, tịnh chứ chẳng nhiễm. Những kinh điển có tác dụng gì? Kinh điển nhằm khuyên quý vị tin tưởng! Do quý vị không tin, nên đức Phật mới buốt lòng rất miêng khuyên bảo, giảng những đạo lý to lớn ấy. Đã tin tưởng, chẳng cần kinh nữa, tức là chẳng có tác dụng lớn lao gì! Kinh giúp quý vị khởi tín, giúp quý vị hiểu lý, đoạn Hoặc, sanh tín, có tác dụng như vậy. Huống hồ từ xưa tới nay, khi Thích Ca Mâu Ni Phật bắt đầu giáo học, người nào hướng về đức Phật nêu câu hỏi, xin Thích Ca Mâu Ni Phật khai thị, những lời Ngài nói với kẻ ấy về sau được ghi chép trở thành kinh. Kinh điển do đâu mà có? Do như thế mà có. Kinh điển chẳng phải là nói với hết thầy mọi người, mà là chuyên nói với đối tượng đặc biệt, nhất định nào đó. Giống như bác sĩ kê đơn thuốc, sau khi đã chẩn đoán, bèn kê toa thuốc cho quý vị. Toa thuốc ấy kê cho quý vị, chẳng phải là kê toa cho ai khác. Chúng ta có sự hiểu biết thông thường như thế này: Quý vị bị bệnh, bác sĩ bèn kê toa thuốc; tôi có bệnh, chắc chắn chẳng dựa theo toa thuốc của quý vị để uống. Tam Tạng kinh điển của đức Phật là các toa thuốc thuở ấy. Chỉ có một toa thuốc có thể thông dụng cho hết thầy chúng sanh, là toa thuốc A Di Đà Phật, chẳng có đối tượng riêng biệt, nhất định. Từ Đẳng Giác Bồ Tát cho tới chúng sanh trong địa ngục, hết thầy chúng sanh thấy đều hữu hiệu. Cổ nhân gọi toa thuốc đặc biệt ấy là “*môn dư đại đạo*”, “*môn*” là tám vạn bốn ngàn

pháp môn. “*Môn dư*” (門餘) là một pháp môn đặc biệt ở ngoài tám vạn bốn ngàn pháp môn, chẳng phải dành riêng một loại đối tượng đặc biệt, nhất định nào, nó hữu dụng trọn khắp!

Đối với Bát Chánh Đạo thì trong mỗi tông đều có Bát Chánh Đạo, mỗi pháp môn cũng có Bát Chánh Đạo. Ví dụ như pháp môn Niệm Phật giải thích Bát Chánh Đạo sẽ chẳng giống như cách giải thích của Giáo Hạ, cũng chẳng giống với cách giải thích của Thiền Tông, chúng ta nhất định phải biết điều này. Ở đây, cách giải thích của Liên Trì đại sư tuân theo cách giải thích thông thường, không giới hạn trong một tông nào, hoặc một pháp môn nào, chỉ giải thích ý nghĩa được bao hàm trong tám danh từ ấy; nhưng chư vị phải hiểu: Chúng ta chọn lựa một pháp môn nào, tu học một pháp môn nào, cách giải thích sẽ khác nhau. Ngài giải thích quá nửa là dùng theo cách của Pháp Tướng Tông, Pháp Tướng Tông là nói theo đường lối thông thường.

(Sao) Nhất, Chánh Kiến giả, Táp Tập vân: Nhược giác chi thời, sở đắc chân giác, dĩ huệ an lập, để lý phân minh, vô hữu thác mậu cố.

(鈔)一、正見者，雜集云：若覺支時，所得真覺，以慧安立，諦理分明，無有錯謬故。

(Sao: Một là Chánh Kiến, luận Táp Tập nói: “Nếu khi tu giác chi, đã đạt được chân giác, dùng huệ để kiến lập vững vàng, hiểu rành rẽ để lý, chẳng bị sai lầm”).

Táp Tập Luận¹ là luận điển của Pháp Tướng Tông.

(Diễn) Nhược tu Giác Chi, sở đắc Chân Giác.

(演) 若修覺支，所得真覺。

(Diễn: Nếu tu Giác Chi, đạt được chân giác).

¹ Đại Thừa A Tỳ Đạt Ma Táp Tập Luận (Mahāyānābhidharma Samuccaya Vyākhyā), gọi tắt là Táp Tập Luận, hoặc Đối Pháp Luận, do An Huệ Bồ Tát biên soạn nhằm chú giải bộ Đại Thừa A Tỳ Đạt Ma Táp Tập Luận của Vô Trước Bồ Tát. Vào năm Vĩnh Huy thứ ba (652), tác phẩm này được ngài Huyền Trang dịch sang tiếng Hán thành mười sáu quyển. Theo truyền thống, bộ luận này được coi là bản hội tập những lời giảng giải Du Già Sư Địa Luận của đệ tử ngài Vô Trước là ngài Giác Sư Tử.

Giác Chi là Thất Giác Chi, quan trọng nhất trong Thất Giác Chi là Trạch Pháp Giác Chi. Quý vị chọn lựa pháp môn này là chánh xác, đó là chân giác.

(Diễn) Dĩ trí an lập.

(演) 以智安立。

(Diễn: Dùng trí để an lập).

Tâm trí của quý vị an trụ trong pháp môn này, ý nghĩa này nhằm nói tới sự chuyên tu. Sau khi đã chọn quyết định pháp môn này bèn chuyên tu. Chuyên tu là trí huệ. Chẳng có trí huệ, sẽ không thể chuyên. Có trí huệ thì người ấy mới có thể chuyên tu, biết pháp đã được chọn chẳng sai lầm, chọn lựa rất chánh xác. Vì sao biết là chánh xác?

(Diễn) Ngã sở đắc giả, dữ Tu Đa La hợp da? Bất dữ Tu Đa La hợp da? Tất linh đế lý phân minh, vô hữu thác mậu.

(演) 我所得者，與修多羅合耶？不與修多羅合耶？必令諦理分明，無有錯謬。

(Diễn: Điều ta đạt được phù hợp Kinh Tạng u? Chẳng phù hợp Kinh Tạng u? Ất hiểu rõ Đế Lý, chẳng lầm lạc).

Tiêu chuẩn để chọn lựa chánh xác phải dựa theo kinh. Tu Đa La (Sūtra) là kinh điển. Nếu giống với các lý luận, phương pháp, và cảnh giới được nói trong kinh điển thì là tương ứng, chẳng có sai lầm. Ất phải hiểu rành rẽ đế lý, quyết định chẳng sai lầm. Kiến giải ấy là chánh tri chánh kiến. Cách nói này đích xác là áp dụng chung cho hết thấy các pháp môn, chung cho hết thấy các tông phái. Nếu nhìn lại, chúng ta tu Tịnh Độ Tông, Chánh Kiến (Samyag-dṛṣṭi) được giảng như thế nào? Nói từ chỗ thiền cận nhất, cũng là nói khẩn yếu nhất, [Chánh Kiến trong Tịnh Độ Tông là] quyết định tin tưởng Tây Phương Cực Lạc thế giới là thật sự có, tin tưởng A Di Đà Phật cũng là thật sự có, tin tưởng A Di Đà Phật đã phát ra bốn mươi tám đại nguyện, nguyện nào cũng chân thật, nguyện nào cũng viên mãn. Chúng ta nương theo bốn mươi tám nguyện, vâng theo lời Thích Ca Mâu Ni Phật khuyến cáo mà tín nguyện niệm Phật, trong tương lai quyết định vãng sanh, cách nhìn ấy là đúng. Vì sao biết là đúng? [Dựa trên] ba kinh hoặc năm kinh Tịnh Độ, điều được nói trên đây phù hợp Tu Đa La! Hiểu rành mạch, rõ ràng đạo lý, phương pháp, và cảnh giới (sự tướng)

trong ấy, quyết định chẳng sai lầm. Huống hồ trước mắt chúng ta đã thấy rất nhiều trường hợp.

Trong phần sau của Niệm Phật Luận, lão pháp sư Đàm Hư đã nhắc tới ba trường hợp vãng sanh. Trước hết, sư Tu Vô là người xuất gia. Trước khi xuất gia, sư Tu Vô xuất thân là cu-li, mù chữ. Về sau xuất gia, Sư chuyện gì cũng chẳng biết làm, liền niệm A Di Đà Phật. Đàm lão pháp sư là một người rất lỗi lạc, Phật pháp ở miền Đông Bắc Trung Quốc do lão nhân gia hưng khởi, miền Đông Bắc có chín ngôi chùa do Ngài dựng. Sau khi Ngài đã dựng xong chùa Cực Lạc ở Trường Xuân (Harbin), muốn mở giới đàn tại đó, thỉnh thầy Ngài là lão hòa thượng Đế Nhân làm Đắc Giới Hòa Thượng. Sư Tu Vô phát tâm đến giới đàn giúp việc, chưa được một vài ngày đã muốn xin nghỉ. Sư nói: “Tôi phải đi”. Khi ấy, Giám Viện² là pháp sư Định Tây rất bức bối, quở trách: “Thầy là người chẳng có tâm thường hằng, chẳng có tâm dài lâu. Mở giới đàn bất quá cũng hơn hai tháng mà thôi. Đã phát tâm giúp đỡ thì giúp cho đến cùng, vì sao mới vài hôm đã muốn đi rồi?” Sư đáp: “Tôi chẳng phải đến nơi khác, tôi sắp đến Tây Phương Cực Lạc thế giới”. Đây là chuyện lớn vì cụ Đàm và sư Định Tây cũng đều tu pháp môn Niệm Phật, vừa nghe nói, chuyện này rất khó có, chẳng dễ dàng, bèn hỏi Sư: “Hôm nào thầy sẽ đi?” “Không quá mười ngày”. Nói xong, Sư bước ra, xin lão hòa thượng chuẩn bị cho Sư một căn phòng, chuẩn bị mấy trăm cân củi để sau khi Sư vãng sanh sẽ hỏa táng thân thể này. Tới hôm sau, Sư lại đến tìm lão hòa thượng, thưa: “Con chờ không kịp! Con phải đi trong ngày hôm nay”. Pháp sư Định Tây luống cuống, vội vã tìm một gian phòng trống ở phía sau, kê giường tạm thời, tìm mấy người đến trợ niệm. Sư chẳng sanh bệnh, vẫn khỏe mạnh.

Người trợ niệm yêu cầu sư Tu Vô: “Thầy vãng sanh Tây Phương Cực Lạc thế giới, phải nói kệ, lưu lại một bài thơ để làm kỷ niệm cho chúng tôi”. Sư nói: *“Tôi xuất thân quê mùa, chưa từng học hành, cũng chẳng biết đặt kệ, bất quá tôi để lại lời thật thà cho mọi người”*. Sư nói rất rõ ràng: *“Năng thuyết, bất năng hành, bất thị chân trí huệ”* (Nói được, chẳng làm được. Chẳng phải trí huệ thật). Cuối cùng nói một câu như thế.

² Giám Viện (còn gọi là Giám Tự) là người có trách nhiệm quản lý sự vụ cao nhất trong một ngôi chùa, bao gồm quản trị các chấp sự trông coi giáo học, công khóa, lương thực, kinh sách, pháp khí, nhân sự, tri khách, điều hành mọi hoạt động trong chùa, thường được coi là cánh tay mặt của hòa thượng trụ trì. Nói gọn lại, vị này là tổng quản trị của mọi chức vụ khác trong từng lâm. Đôi khi Giám Viện còn gọi là Đương Gia, tuy có trường hợp vị Đương Gia quyền hạn nhỏ hơn Giám Viện, chỉ là phụ tá của Giám Viện.

Mọi người niệm Phật cho Sư, chưa đầy một khắc, Sư đã qua đời. Một khắc là mười lăm phút! Chúng ta thấy Sư không sanh bệnh, biết khi nào ra đi, đứng đi, ngồi đi, những trường hợp sống động ấy bày ngay trước mặt, mà chúng ta vẫn chẳng tin tưởng, tức là ngu si đến cực điểm. Những người ấy cách chúng ta rất gần, lão pháp sư Đàm Hư viên tịch ở Hương Cảng. Hương Cảng Đông Lâm Niệm Phật Đường do pháp sư Định Tây kiến tạo; về sau, hai vị [Định Tây và Đàm Hư] đều đến Hương Cảng, gần như là sống đến chín mươi mấy tuổi mới vãng sanh. Ảnh Trần Hội Úc Lược là truyện ký của lão pháp sư Đàm Hư, suốt đời Ngài chính mắt thấy người niệm Phật vãng sanh, chẳng bị bệnh, biết trước lúc mất, ra đi tự tại, hơn hai mươi người! Ở Đài Loan cũng có không ít người niệm Phật ra đi, chẳng bệnh mà mất, đứng mất, ngồi mất, không chỉ là hai mươi trường hợp! Chúng ta thật sự tin tưởng chuyện này, chẳng hoài nghi tí nào, đó là Chánh Kiến của người niệm Phật.

(Sao) Nhị, Chánh Tư Duy giả, kiến thử lý thời.

(鈔) 二、正思惟者，見此理時。

(Sao: Hai là Chánh Tư Duy, khi thấy lý ấy).

Chánh Tư Duy (Samyak-samkalpa) là do Chánh Kiến mà có, quý vị thấy đạo lý ấy.

(Sao) Vô lậu tâm tương ứng, tư duy trừ lượng, vị linh tăng trưởng nhập Niết Bàn cố.

(鈔) 無漏心相應，思惟籌量，為令增長入涅槃故。

(Sao: Tương ứng với tâm vô lậu, suy nghĩ, trừ tính, nhằm tăng trưởng nhập Niết Bàn).

Tư duy điều gì? Tư duy chân lý, đây là cách nói theo đường lối thông thường. “Vô lậu tâm” là giác tâm, là chánh tâm, là thanh tịnh tâm, niệm niệm tương ứng với giác, chánh, tịnh; như vậy thì mới có thể hướng đến Đại Niết Bàn. Trong pháp môn Tịnh Độ, Chánh Tư Duy là tư duy vô lượng hạnh nguyện của A Di Đà Phật, tư duy công đức tiếp dẫn hết thảy chúng sanh của A Di Đà Phật, tư duy khi A Di Đà Phật tu nhân đã phát đại tâm. Những điều ấy hoàn toàn có trong kinh Vô Lượng Thọ và kinh Di Đà; chúng ta đọc tụng kinh điển là Chánh Tư Duy. Lão cư sĩ Hạ Liên Cư đã biên soạn bộ Tịnh Tu Tiệp Yếu, hiện thời, có chẳng ít người nương theo phương pháp ấy để tu hành. Trong đó, có tất cả ba mươi hai lạ, trong

mỗi lay đều có Chánh Tư Duy, mà nội dung tư duy là “yếu nghĩa” (nghĩa quan trọng, chủ chốt) trong ba kinh Tịnh Độ, vô cùng hay. Đó là Chánh Tư Duy trong Tịnh Độ Tông.

(Sao) Tam, Chánh Ngữ giả, bất duy tâm vô tà tư, dĩ vô lậu trí, nhiếp khẩu tứ nghiệp, trụ tứ thiện ngữ cố.

(鈔) 三、正語者，不惟心無邪思，以無漏智，攝口四業，住四善語故。

(Sao: Ba là Chánh Ngữ, không chỉ là tâm không suy nghĩ tà vạy, mà còn dùng vô lậu trí để khéo nhiếp bốn nghiệp nơi miệng, khiến chúng trụ trong bốn thiện ngữ).

Điều này hết sức trọng yếu. Tạo nghiệp thì so giữa ba nghiệp, tạo khẩu nghiệp nhiều nhất và nặng nhất. Vì sao có thể tạo khẩu nghiệp nhiều nhất, nặng nhất? Tập khí từ vô thủy kiếp tới nay! Nói dối, nói đôi chiều, ác khẩu, nói thêu dệt mà chẳng hay chẳng biết, suốt ngày từ sáng đến tối đều phạm, tập khí quá sâu! Người thật sự tu đạo, không chỉ tâm chẳng có ý nghĩ tà vạy, mà còn quyết định chẳng phạm khẩu nghiệp, phải nhiếp bốn khẩu nghiệp, trụ nơi bốn thiện ngữ. Bốn thiện ngữ là không nói dối, không nói đôi chiều, không ác khẩu, không nói thêu dệt; đó là bốn thiện nghiệp thuộc về khẩu trong Thập Thiện Nghiệp Đạo. Tuy bốn thiện nghiệp nơi miệng rất trọng yếu, nhưng trọng yếu nhất vẫn là mọi khối thiện tâm. Tâm thiện thì lời lẽ đương nhiên là thiện. Nhưng khi mới học, thường là có thiện tâm, nhưng lời lẽ vẫn chưa tốt đẹp, do nguyên nhân nào? Tập khí. Người ấy trọn chẳng muốn nói dối, nhưng do tập khí [mà nói dối]. Xác thực là người ấy chẳng có ác ý, nhưng do lâu ngày quen thói, tự nhiên chúng lộ ra. Vì vậy, ác nghiệp dễ đoạn, tập khí khó trừ. Đoạn ác là nơi tâm địa, nhưng trong thân khẩu vẫn còn thường có những tập khí ấy, tập khí cũng phải đoạn trừ dần dần!

Chánh Ngữ (Samyag-vāk) của người niệm Phật là một câu “nam-mô A Di Đà Phật”, câu này là Chánh Ngữ. Trừ A Di Đà Phật ra, những lời lẽ chẳng cần thiết đều là tà ngữ, đều chẳng được gọi là Chánh Ngữ. Niệm niệm đều niệm A Di Đà Phật, quyết định chẳng tạo bốn loại khẩu nghiệp trước. Quý vị cùng người khác nói chuyện, “A Di Đà Phật”, người ta hỏi quý vị điều gì? Trước hết là A Di Đà Phật, nói xong cũng A Di Đà Phật. A Di Đà Phật là câu nói mở đầu, mà cũng là câu cuối cùng để kết thúc. Câu mở đầu bằng A Di Đà Phật, câu kết thúc cũng bằng A Di Đà Phật; đó là Chánh Ngữ của người niệm Phật. Phải biết câu A Di Đà có

công đức chẳng thể nghĩ bàn; chẳng thâm nhập Đại Kinh sẽ không biết! Cổ nhân đã nói về câu Phật hiệu rất hay như sau: “*Tâm năng niệm là Thi Giác, Phật hiệu được niệm là Bốn Giác*”. Niệm Phật là Thi Giác hợp với Bốn Giác, đó là vô lậu trí.

(Sao) Tứ, Chánh Nghiệp giả, dĩ vô lậu trí, trừ thân tam chủng nhất thiết tà nghiệp, trụ thanh tịnh thân nghiệp cố.

(鈔) 四、正業者，以無漏智，除身三種一切邪業，住清淨身業故。

(Sao: Bốn là Chánh Nghiệp, dùng vô lậu trí trừ hết thấy [những nghiệp thuộc về] ba loại tà nghiệp nơi thân, trụ trong thân nghiệp thanh tịnh).

Chánh Nghiệp (Samyak-karmānta): Nghiệp là tạo tác. Trong lúc đang tạo tác thì gọi là Sự, sau khi đã tạo tác xong, kết quả [của sự tạo tác ấy] được gọi là Nghiệp. Quý vị tạo chuyện tốt, kết quả là thiện nghiệp; quý vị tạo chuyện bất hảo, kết quả là ác nghiệp. Có nghiệp bèn phải chịu báo, thiện nghiệp đạt thiện báo, ác nghiệp ắt là ác báo, quả báo thiện ác chẳng sai mảy may. Do đó, đức Phật dạy chúng ta niệm A Di Đà Phật, niệm A Di Đà Phật được coi là nghiệp gì? Trong ba thiện đạo của lục đạo chẳng có A Di Đà Phật, trong ba ác đạo cũng chẳng có A Di Đà Phật, chúng ta tạo nghiệp ấy không ở trong lục đạo luân hồi, vì lục đạo luân hồi chẳng có nghiệp ấy. Nghiệp ấy tương ứng với Tây Phương Cực Lạc thế giới, nên Phật môn gọi nghiệp đã tạo của người niệm Phật là “*tịnh nghiệp*”. Quý vị tạo nghiệp Tây Phương Tịnh Độ, đã tạo thành, đương nhiên quả báo ở tại Tây Phương Tịnh Độ, tốt lắm! Thế gian có rất nhiều chuyện tốt, việc thiện, kinh Vô Lượng Thọ nói rất hay: “*Túng nhiên cúng dường Hằng hà sa số Phật, Bồ Tát, thánh nhân, bất như nhất niệm cầu Chánh Giác*” (Dầu là cúng dường Hằng hà sa số Phật, Bồ Tát, thánh nhân, chẳng bằng một niệm cầu Chánh Giác). Cúng dường Phật, Bồ Tát nhiều ngàn ấy là tu thiện nghiệp. Thiện nghiệp thì quả báo trong tương lai là ở trong ba thiện đạo, không thoát khỏi tam giới. Kinh Vô Lượng Thọ nói “*kiên dũng cầu Chánh Giác*” (kiên quyết, dũng mãnh cầu Chánh Giác) nghĩa là niệm Phật cầu sanh Tịnh Độ, vĩnh viễn thoát khỏi luân hồi. Đó mới là đại thiện chân chánh, đại thiện bậc nhất. Hy vọng các đồng tu phải giác ngộ; trong hết thấy các thiện pháp, niệm Phật là điều thiện bậc nhất, chẳng còn tạo những nghiệp khác nữa!

Vì báo Phật ân, chúng ta giới thiệu, đề cao, phổ biến công đức, lợi ích, pháp môn thù thắng bậc nhất này cho người khác, khuyên người khác hãy phổ biến tu học. Tuy làm, nhưng chẳng chấp tướng, không trở ngại sự thanh tịnh của ta. Nếu làm những chuyện này mà còn chấp tướng, sẽ gây trở ngại đối với chuyện vãng sanh của chính quý vị. Có cần làm mọi việc hay không? Phải làm, phải nghiêm túc làm, nhưng làm mà chẳng chấp tướng. Bản thân ta trong mười hai thời là một câu A Di Đà Phật, làm như vậy sẽ tương ứng với vô lậu trí. “*Làm nhưng không làm, không làm mà làm*”. Sự nghiệp thành hay bại, lợi ích lớn hay nhỏ là do phước báo của chúng sanh, là duyên phận của mỗi cá nhân. Nếu nói theo kinh này, do thiện căn, phước đức, nhân duyên của mỗi người khác nhau, nên chúng ta chẳng cần phải bận lòng! Quý vị ghim chuyện ấy trong tâm, do vướng mắc, công phu liền bị xen tạp, Phật hiệu bị gián đoạn. Phải nghiêm túc làm, nhưng đừng nên vướng mắc, chớ nên chấp trước, hết thấy tùy duyên, mặc cho tự nhiên, công đức ấy phần nào cũng viên mãn!

“*Trừ thân tam chủng nhất thiết tà nghiệp*” (Trừ hết thấy các nghiệp thuộc ba loại tà nghiệp nơi thân), ba tà nghiệp nơi thân là giết, trộm, dâm. Không chỉ là ba thứ này chẳng thể làm, mà ba thứ ý niệm ác nghiệp cũng chớ nên sanh. Quý vị chẳng làm ba nghiệp ấy, thân sẽ thanh tịnh; ý niệm chẳng sanh, tâm liền thanh tịnh. Đương nhiên quan trọng nhất là tâm thanh tịnh, vì vãng sanh chẳng phải là thân vãng sanh, mà là tâm vãng sanh. Thân thanh tịnh, tâm không thanh tịnh, vô dụng! Tâm thanh tịnh, thân không thanh tịnh, hữu dụng, quyết định có thể vãng sanh. Vì sao? Tâm thanh tịnh, thân nhất định thanh tịnh; thân tâm thanh tịnh, thế giới liền thanh tịnh. Xác thực là y báo chuyển theo chánh báo! Chánh báo là thân và tâm. Do đó, nhất định phải đoạn trừ ác nghiệp. Kinh Quán Vô Lượng Thọ Phật giảng về Tam Phước, trong điều thứ nhất có “*từ tâm bất sát, tu Thập Thiện Nghiệp*”, trừ giết, trộm, dâm nơi thân, những điều này đều thuộc trong Thập Thiện Nghiệp. Tam Phước là điều kiện cơ bản để vãng sanh Tây Phương Cực Lạc thế giới.

(Sao) Ngũ, Chánh Mạng giả, dĩ vô lậu trí, thông trừ tam nghiệp trung ngũ chủng tà mạng cố.

(鈔) 五、正命者，以無漏智，通除三業中五種邪命故。

(Sao: Năm là Chánh Mạng, dùng trí vô lậu để trừ năm thứ tà mạng nơi ba nghiệp).

Trong quá khứ, Chánh Mạng (Samyag-ājīva) nhằm chuyên nói với người xuất gia; hiện thời, kẻ tại gia cũng có phần. Người tại gia mở Phật đường, nói khó nghe là “mở tiệm buôn Phật” rất nhiều. Mở tiệm buôn Phật là tà mạng, chẳng phải là Chánh Mạng. Trong phần tiểu chú, năm điều ấy được ghi rất rõ ràng, chúng ta phải đặc biệt đề cao cảnh giác, vì sao? Nếu quý vị phạm vào một điều, tuy là trường trai niệm Phật, thậm chí giới luật tinh nghiêm, tương lai quả báo đều ở trong tam đồ. Vì sao? Hình dáng rất chân chánh, nhưng tâm tà, tâm bất chánh.

(Diễn) Chánh Mạng giả, bất duy thân nghiệp thanh tịnh, dĩ vô lậu trí, thông trừ tam nghiệp trung ngũ chủng tà mạng thực, linh trụ chánh mạng cố.

(演) 正命者，不惟身業清淨，以無漏智，通除三業中五種邪命食，令住正命故。

(Diễn: Chánh Mạng là không chỉ thân nghiệp thanh tịnh, mà do trí vô lậu, trừ hết năm loại kiếm sống tà mạng nơi ba nghiệp để trụ nơi chánh mạng).

“Thực” (食) là cách quý vị kiếm sống.

(Diễn) Ngũ chủng tà giả, nhất, vị lợi dưỡng trá hiện kỳ đặc tướng, thuộc thân nghiệp.

(演) 五種邪者，一、為利養詐現奇特相，屬身業。

(Diễn: Năm thứ tà: Một là vì lợi dưỡng bèn dối trá hiện tướng đặc biệt, lạ lùng. Điều này thuộc về thân nghiệp).

Hiện thời, chẳng ít kẻ làm bộ làm tịch, hoặc là trên thân tỏa ánh sáng, hoặc là rời khỏi mặt đất ba thước, hiện dáng vẻ rất lạ lùng! [Tỏ lộ] có thần thông phi phạm, nhằm mục đích nào? Khiến cho mọi người đến cúng dường kẻ ấy, cho nên làm những trò ảo thuật đó! Nếu quý vị hỏi: “Thân kẻ ấy có phóng quang hay không? Có phải là thân có thể rời khỏi mặt đất ba thước hay không?” Tôi nói cho quý vị biết, có thật đấy! Những chuyện ấy tuyệt đối chẳng phải là giả! Có một chút tà thuật thì xác thực là có thể làm được. Tà thuật có thể có loại thần thông ấy, [người luyện] Khí Công cao minh cũng có thể làm được, chẳng phải là chuyện khó! Hiện thời, trong ngoài nước rất phổ biến, hề gặp người xuất gia liền hỏi: “Quý vị có thần thông hay không?” Tôi giảng kinh ở Cự Kim Sơn, gặp một

người đến từ Đại Lục, ông ta dạy Khí Công tại Mỹ, cũng dùng Khí Công để chữa bệnh cho người khác. Tôi giảng kinh bên đó, ông ta đến nghe vài lần, ngồi ở dưới nói với các đồng tu: “Vị pháp sư này công phu bậc nhất, thuộc loại cao”. Tôi giảng xong, [các đồng tu bên ấy hỏi]: “Pháp sư! Ông đó nói thầy có công phu, có võ công”. Tôi đáp: “Tôi luyện công phu là niệm A Di Đà Phật”. Ông ta nhìn vào khí sắc và tinh thần, nhìn từ chỗ ấy. Người luyện các công phu ấy, đại khái đối với khí trên thân người (khí cũng là quang), đích xác là có thể nhìn ra, chẳng phải là gạt người! Kẻ ấy dùng chuyện này nhằm mục đích cầu tiếng tăm, lợi dưỡng, dùng thủ đoạn ấy chính là tà mạng!

Từ xưa tới nay, rất nhiều vị cao tăng đại đức có thần thông hay không? Có. Quý vị đọc Thần Tăng Truyện trong Đại Tạng Kinh, Huyền Trang đại sư đã thị hiện thần thông gì? Khi Ngài sang Ấn Độ, trên đường gặp một cụ già, khoảng một, hai trăm tuổi đang nhập định ở đấy. Vị lão nhân ấy râu tóc rất dài, công phu Thiền Định rất sâu, chìm làm tổ trên thân. Quý vị ngẫm xem, cụ đã ngồi ở đó rất lâu, chạm đến vẫn bất động. Ngài dùng đũa khảnh gõ bên tai cụ, cụ xuất Định. Sau khi xuất định, Ngài bảo cụ: “Tôi với ông có duyên, nay tôi sang Ấn Độ thỉnh kinh, cầu học. Ông hãy nhanh chóng đến đầu thai tại Trung Quốc, chờ khi tôi trở về, sẽ nhận ông làm đồ đệ, chúng ta cùng nhau hoằng dương Đại Thừa Phật pháp”. Huyền Trang đại sư có thần thông nhưng chẳng để lộ, đích xác là chẳng tỏ lộ tại Trung Quốc, nhưng ở Tây Vực có chuyện như thế. Trọn chẳng dùng phương pháp ấy để cầu tiếng tăm, lợi dưỡng, chẳng thể. Nhất là trong thời kỳ Mật Pháp, trong thời kỳ Mật Pháp mà chẳng có thần thông thì phải làm gì? Phải bày vẽ! Lăn trước, họ mời tôi đến giảng kinh tại sân vận động, muốn phô trương rầm rộ, tôi đều chẳng cần! Đó là những trò phụ họa trong diễn tuồng³, đích xác là chẳng có ý nghĩa gì! Chẳng cần làm chuyện phô trương, vì đó cũng là chuyện thị hiện tướng đặc biệt, lạ lùng.

³ Nguyên văn là “*long sáo*” (龍套), còn gọi là Văn Đường (文堂) hoặc Lưu Hành (流行), tức là những diễn viên phụ nhằm nổi bật nhân vật chính. Diễn viên phụ trong các thể loại tuồng, thường cứ bốn người kết thành một đội, gọi là một Đường (堂), thường đóng vai người hầu hoặc sĩ tốt, đảm nhiệm vai trò hò hét trợ oai cho các vai võ tướng, hoặc biểu thị quân số thấp tùng. Về sau, trong các màn biểu diễn, những diễn viên phụ múa hát phụ họa đôi khi cũng được gọi là “*long sáo*”. Tại Đài Loan, nhất là Phật Quang Sơn hoặc Linh Nham Sơn Tự (của pháp sư Diệu Liên), mỗi khi hòa thượng trụ trì hoặc các vị trưởng lão giảng kinh thường có những màn biểu diễn của các pháp sư cầm đèn lồng, phan, cái, vừa đi vừa hát, nhiều quanh sân khấu, chuông trống rầm rộ, chưng bày sân khấu, phong màn lộng lẫy, đồng thời chiếu hình ảnh giới thiệu các hoạt động của chùa, thậm chí còn có võ tăng biểu diễn võ thuật. Khi vị trưởng lão giảng

Trong Cốc Hưởng Tập, cư sĩ Hoàng Niệm Tổ đã nói rất hay: Thời kỳ Mạt Pháp, chúng ta trọng thực chất, chẳng nhấn mạnh hình thức, thật thà, quy củ học Phật, chẳng cần phải bày vẽ phô trương, chẳng cần phải làm chuyện náo nhiệt, vì sao? Thời kỳ Mạt Pháp, người thật sự có thiện căn chẳng nhiều. Nếu làm chuyện bày vẽ rầm rộ như vậy sẽ vô dụng, mệt người, tốn của, chẳng có một chút ý nghĩa gì! Có một địa điểm, có thiết bị phóng thanh là đủ rồi, có băng ghế để ngồi là được rồi, cảnh tượng gì cũng chẳng cần, có tượng Phật hay không cũng chẳng sao, đều chẳng quan trọng, nhất định phải nhấn mạnh thực tế.

(Diễn) Nhị, vì lợi dưỡng tự thuyết công đức.

(演) 二、為利養自說功德。

(Diễn: Hai, vì lợi dưỡng mà tự nói công đức).

Đây là tự tán, tuy chẳng hủy báng kẻ khác, nhưng ca ngợi chính mình: “Ta có bao nhiêu công đức? Ta có thần thông”, thậm chí còn nói họ là Phật, Bồ Tát nào đó tái lai. Nói xong, vẫn chẳng tịch. Kỳ quái! Từ xưa tới nay, hễ có ai nói ra [thân phận thật sự], sau khi nói xong liền tịch, đó là thật. Nói rồi vẫn sống nhăn, rất kỳ quái, tôi chưa hề thấy một gương như vậy! Như Di Lặc Bồ Tát thị hiện thân phận Bồ Đại hòa thượng, Ngài tự nói ra. Sau khi nói xong, bèn tọa hóa, như vậy thì được. Hễ bộc lộ thân phận, tuyệt đối chẳng còn có thể trụ trong nhân gian nữa, đó là thật. Tự mình nói ta là Bồ Tát nào đó tái lai, mà vẫn không đi; đó là một trong các loại tà mạng, chẳng phải là Chánh Mạng, do vì lợi dưỡng, nên tự khoe công đức.

(Diễn) Tam, chiêm tướng cát hung.

(演) 三、占相吉凶。

(Diễn: Ba là xem tướng, cát hung).

Làm thầy bói, xem tướng cho tín đồ, xem Phong Thủy, tiên đoán cát, hung, họa, phước cho họ, nhằm mục đích cầu tiếng tăm, lợi dưỡng. Đó là loại tà mạng thứ ba.

(Diễn) Tứ, cao thanh hiện oai, linh nhân úy kính.

kinh, thường là trước khi giảng đoạn kinh nào, các tỳ-kheo và tỳ-kheo-ni thường hát đoạn kinh ấy lên rồi mới giảng.

(演) 四、高聲現威，令人畏敬。

(Diễn: *Bốn là lớn tiếng ra oai khiến cho kẻ khác kính sợ).*

Nói chuyện với âm thanh rất lớn, [để làm ra vẻ] như có oai đức vậy.

(Diễn) Thử tam thuộc khẩu nghiệp.

(演) 此三屬口業。

(Diễn: *Ba điều ấy thuộc về khẩu nghiệp).*

Điều thứ hai, thứ ba và thứ tư là khẩu nghiệp.

(Diễn) Ngũ, thuyết đức cúng dường, dĩ động nhân tâm, thử thuộc ý nghiệp.

(演) 五、說得供養，以動人心，此屬意業。

(Diễn: *Năm, khoe [chính mình] đã được cúng dường khiến cho người khác động tâm, điều này thuộc về ý nghiệp).*

Nói với tín đồ: “Kẻ nào đó cúng dường ta bao nhiêu, người khác lại cúng dường ta bao nhiêu”, có ý muốn quý vị cũng nên làm như thế. Tôi đã từng thấy. Hiện tại là thời kỳ Mạt Pháp, thủ đoạn của họ chúng ta chẳng thể ngờ được. Thuyết phục không được, bèn dùng phương pháp biểu diễn. Tín đồ của chính mình cảm phong bì: “Thưa sư phụ! Con cúng dường thầy hai mươi vạn”, “thưa sư phụ! Con cúng dường thầy hai trăm vạn”. Sư phụ nhận lấy rồi lén trả lại cho kẻ đó. Làm cho người khác thấy, khiến những người đó vội vã cúng dường; còn có cách như vậy! Tôi còn nghe nói có kẻ giúp chùa miếu hóa duyên để ăn chia tứ lục: [Tức là] nay chùa của tôi cần xây đại điện, [quý vị đến xin]: “Tôi làm đại diện cho chùa miếu”, [nhà chùa] bèn giao sổ hóa duyên cho quý vị. Quý vị hóa duyên được một trăm vạn, quý vị lấy bốn chục vạn, thường trụ lấy sáu mươi vạn. Bốn mươi vạn nhằm trả công quý vị bươn bả [kêu gọi kẻ khác quyên góp]! Thời kỳ Mạt Pháp, chuyện kỳ quái, không chuyện lạ lùng nào chẳng có. Do đó, chúng ta phải tin tưởng lời Phật: Tạo tội nghiệp như vậy, ắt đọa tam đồ. Trong thế gian này, con người sống được mấy năm? Dầu khổ đến mấy cũng phải cắn chặt răng vượt qua, đời sau chẳng đọa trong ác đạo. Tham cầu hưởng thụ trong mấy chục năm ngắn ngủi, về sau phải thọ quả báo vô lượng kiếp; được chẳng bù nổi mất, hạng người đó mới là kẻ ngu si nhất. Trong Ngũ Giới, năm điều này đều thuộc loại giới trộm cắp, chẳng phải là phương thức chánh đáng, lừa gạt đoạt lấy tài vật của người khác, lợi dưỡng quá

nửa là tài vật, tạo nghiệp hết sức nặng. Do đó, chúng ta phải chú tâm cẩn thận.

Dựng đạo tràng, tuyệt đối chẳng phải là chuyện dễ dàng. Hiện thời, Đài Loan có rất nhiều đồng tu tại gia lập đạo tràng. Chúng tôi chẳng tiện nói, nhưng bản thân các đồng tu chúng ta phải chú ý, hy vọng quý vị đừng dấy lên ý niệm lập đạo tràng. Đạo tràng của quý vị thành lập, tiếng tăm, lợi dưỡng đều đưa đến. Tiếng tăm, lợi dưỡng đưa đến, quý vị tiêu hóa như thế nào? Quý vị có thể tiêu thụ nổi không? Phật môn thường nói: *“Một hạt gạo thí chủ, to bằng núi Tu Di, đời này chẳng liễu đạo, mang lông, đội sừng đền”*. Thành lập đạo tràng phải chịu trách nhiệm, công năng của đạo tràng là giáo hóa một phương, mức độ thấp nhất là khuyên người nơi ấy đoạn ác tu thiện, khuyên người nơi đó phá mê khai ngộ thì lập đạo tràng ấy bèn có công đức. Nếu đạo tràng chẳng làm được chuyện ấy, tức là đạo tràng đó phạm lỗi. Đạo tràng giống như trường học, ta mở trường, chẳng làm chuyện xấu, nhưng không có thầy dạy, quý vị nghĩ xem trường ấy sẽ ra sao? Trường đã thành lập, đã chiêu sinh, nhưng chẳng có thầy dạy, [làm sao có thể nói là] chẳng làm chuyện xấu gì! Nhưng dưới tình hình đó, hiệu trưởng có bị cách chức, điều tra hay không? Quý vị nói xem: Có tội lỗi hay không? Tục ngữ có câu: *“Bắt tại kỳ vị, bắt mưu kỳ chánh”* (Chẳng nắm giữ địa vị, chẳng mưu toan chuyện chánh trị), quý vị chẳng có trách nhiệm. Quý vị đã lập đạo tràng, phải có trách nhiệm. Đạo tràng giống như một trường học, quý vị chủ trì đạo tràng, giống hệt như hiệu trưởng của một ngôi trường, quý vị phải chịu trách nhiệm giáo hóa một phương. Nếu chỉ sai đường lối tu hành cho chúng sanh, phải chịu trách nhiệm nhân quả, phiền toái càng lớn hơn nữa, khá khó khăn!

Hiện thời tại Đài Loan, mọi người thấy bề ngoài Phật Giáo hưng thịnh, đạo tràng san sát, nói chung có đến mấy chục vạn ngôi chùa lớn, bé, còn có nhiều ngôi ở trong chung cư nữa. Các đồng tu học Phật, đặc biệt là người xuất gia, người xuất gia nhất tâm hướng về đạo, như thế thì mới có thể tiêu thụ tứ sự cúng dường của tín đồ. Mọi người phải nghe hiểu câu nói này, đừng nghe sai ý, phía sau tôi còn nói bổ sung, quyết định vãng sanh thì quý vị mới có thể tiêu thụ được. Nếu đời này quý vị chẳng thể vãng sanh, đời sau vẫn phải luân hồi; nói cách khác, quý vị vẫn phải trả nợ. Quý vị vãng sanh, họ cúng dường quý vị, họ bèn có phước báo. Quý vị chẳng thể vãng sanh, họ cúng dường quý vị, đời sau quý vị trả nợ. Cúng dường đáng sợ lắm! Món tiền ấy chẳng dễ sử dụng, so với xin ăn còn khó tiêu hóa hơn. “Xin ăn” là ăn mày ở bên ngoài. “Quý vị cho tôi tiền, mà chẳng yêu cầu tôi tương lai đền đáp” người ấy có thể tiêu thụ được, chẳng

có vấn đề! Người xuất gia chúng ta thì sao? Người ta cúng dường, cúng dường là mong cầu phước, quý vị có phước gì để ban cho người ta? Do đó, phát tâm xuất gia, quyết định phải vãng sanh, quyết định phải hoằng pháp. Bốn phận và sự nghiệp của người xuất gia là chuyện này. Bỏ bốn phận để làm chuyện khác; người thế gian nói là “chẳng chú trọng sự nghiệp chánh đáng”.

(Sao) Lục, Chánh Tinh Tấn giả, dĩ vô lậu trí, ưng cần hành tinh tấn, xu Niết Bàn đạo cố.

(鈔) 六、正精進者，以無漏智，應勤行精進，趨涅槃道故。

(Sao: Sáu là Chánh Tinh Tấn (Samyag-vyāyāma), do trí vô lậu, hãy nên siêng hành tinh tấn, nhằm tiến đến đạo Niết Bàn).

Bát Chánh Đạo mỗi điều sau sâu hơn điều trước, điều trước là cơ sở của điều sau.

(Diễn) Tiền ký tam nghiệp thanh tịnh, hựu trừ tam nghiệp trung chủng chủng tà mạng, tắc tam nghiệp tinh thuần.

(演) 前既三業清淨，又除三業中種種邪命，則三業精純。

(Diễn: Do ba điều trước, ba nghiệp đã thanh tịnh, lại trừ các thứ tà mạng nơi ba nghiệp, nên ba nghiệp tinh thuần).

Khi ấy, quan trọng nhất là tinh tấn. “*Tinh*” là thuần, chẳng tạp; “*tấn*” là tiến lên, chẳng lùi, bất thoái chuyển. Không dừng nghỉ, chẳng thoái chuyển, tinh thuần không tạp, đạo nghiệp của quý vị quyết định thành tựu. Trong Tịnh Độ Tông, điều này được nói rất nhiều, kinh Vô Lượng Thọ giảng rất nhiều. Kinh Vô Lượng Thọ do hai vị Phật thuyết pháp, Thích Ca Mâu Ni Phật và A Di Đà Phật. Bốn mươi tám nguyện do A Di Đà Phật nói, hai vị Thế Tôn hai cõi đều khuyên chúng ta tinh tấn niệm Phật. Do đó, học đạo, chúng ta hãy quan sát cận kề, phản tỉnh, vẫn là đi theo con đường của cổ nhân là chánh xác. Người hiện thời tự cậy rất thông minh, nói thật ra, cũng kể như là thông minh, khiến cho khí quyển của địa cầu thủng một lỗ to, khiến cho khí hậu trên cả thế giới bất thường! Nếu cứ tiếp tục thông minh như vậy, chỉ sợ địa cầu bị hủy diệt. Chư vị hãy suy nghĩ, đó có phải là chuyện người thông minh sẽ làm hay không? Nếu đầu óc

chúng ta sáng suốt một chút, [sẽ biết] người thông minh chẳng làm vậy, mà là trò nghịch ngợm của trẻ con! Từ xưa tới nay, phương pháp được nhấn mạnh ở Trung Quốc là trước hết cầu Căn Bản Trí, sau đây mới cầu Hậu Đắc Trí, đó mới là đúng.

Trong tác phẩm Duy Thức Dị Giải (giới thiệu sơ khởi về Duy Thức), cư sĩ Đường Đại Viên đối vấn đề này đã cảm khái sâu đậm! Từ thời Dân Quốc đến nay, phương pháp giáo dục tư tưởng đã gạt bỏ cách giáo học được truyền thừa mấy ngàn năm (nói theo cách bây giờ là triết lý về giáo dục), học theo người Tây Dương, kết quả là người Trung Quốc hiện thời gặp tai nạn to lớn dường ấy! Nói đến nguyên nhân căn bản, đích thực là như thế. Thuở sinh thời, tiên sinh Phương Đông Mỹ mỗi lần bàn đến giáo dục, liền vỗ bàn, mắng người khác, rất tức tối. Tức giận cũng vô dụng, chẳng thể giải quyết vấn đề! Phương pháp mấy ngàn năm đều là từ Căn Bản Trí đạt đến Hậu Đắc Trí. Phật pháp cũng dùng nguyên lý và phương pháp này. Phương pháp này trước hết làm cho tâm quý vị thanh tịnh. Tâm đã định, tận hết sức giảm thiểu vọng niệm. Nói theo thuật ngữ Phật học là trước hết phải huấn luyện Giới, Định, Huệ. Giới học là vâng giữ pháp tắc, giữ quy củ, từ nhỏ liền dưỡng thành quan niệm vâng giữ pháp tắc. Trẻ nhỏ khá ngây thơ, gần như là điều gì cũng đều ước thúc, đều quản giáo, trẻ chẳng còn ngây thơ nữa. Thật vậy, [trẻ nhỏ phương Đông] chẳng ngây thơ tự nhiên bằng trẻ nhỏ phương Tây, nhưng sau khi khôn lớn, người phương Tây trí huệ đích xác là thua kém người phương Đông, thật đấy! Người phương Tây thông minh tuy có, nhưng rất ít. Lúc nhỏ rất linh động, thứ gì cũng đều chẳng phải học, chẳng giống trẻ nhỏ ở Trung Quốc, từ nhỏ đã huấn luyện Tam Học Giới, Định, Huệ; ngay cả Nho gia cũng chẳng phải là ngoại lệ, đều là huấn luyện Tam Học Giới, Định, Huệ. Đến khi Tam Học đã có cơ sở khá khá, mới cho quý vị ra ngoài tham học. Đó gọi là “*tâm sự phỏng đạo, đọc vạn cuốn sách, đi vạn dặm đường*”, thành tựu học vấn chân thật, nên học vấn của họ đã tinh thông lại rộng rãi.

Hãy xem hai mươi lăm bộ sử của Trung Quốc, mỗi triều đại có bao nhiêu người thành tựu? Nhưng trong thời đại này, người Hoa cũng rất bất hạnh, học theo phương pháp của Tây Dương, thành tựu chẳng bằng người Âu Tây; chuyện này rất đáng cho chúng ta phản tỉnh thật sâu! Đặc biệt là học Phật, học Phật nhằm mục đích nào? Mục đích là giải quyết vấn đề sanh tử của chính mình, đó là thật, những vấn đề khác đều nhỏ nhặt. Sanh tử sự đại, vô thường nhanh chóng, phải thật sự giác ngộ điều này. Chuyện này chẳng phải là giỡn chơi, quan niệm và phương pháp sai lầm, chắc chắn sẽ chẳng đạt được, có thể nói là chẳng thể lệch lạc, sai sót mảy may!

Hiện thời, đối với chuyện trạch pháp, quyết định chẳng có vấn đề gì, chúng ta chọn lựa pháp môn Tịnh Độ, sự chọn lựa ấy là chánh xác. Có thể thành tựu hay không? Phải cậy vào tinh tấn. Trọn đủ tin sâu, nguyện thiết, thật thà niệm Phật, chẳng có ai không thành tựu. Phải ghi nhớ giáo huấn trong kinh điển, nhất định phải cầu tiến bộ nơi thân tâm thanh tịnh; nói chung, mỗi năm một tinh tấn hơn, như thế thì quý vị quyết định nắm chắc vãng sanh. Nếu thân và tâm đều chẳng thanh tịnh, tham, sân, si, mạn vẫn tiếp tục tăng trưởng, dầu quý vị niệm Phật hiệu tốt đẹp đến mấy, cũng chẳng thể vãng sanh. Dầu mỗi ngày niệm Phật hiệu một vạn tiếng vẫn uổng công, cổ nhân nói “*rách toạc cuống họng vẫn uổng công*”.

(Sao) Thất, Chánh Niệm giả, dĩ vô lậu trí.

(鈔) 七、正念者，以無漏智。

(Sao: Bảy là Chánh Niệm (Samyak-smṛti), do vô lậu trí).

Thế của Bát Chánh Đạo là vô lậu trí, đây là cơ sở của trí huệ chân thật.

(Sao) Ư ứng niệm chánh đạo pháp, cập trợ đạo pháp, tâm bất động thất cố.

(鈔) 於應念正道法，及助道法，心不動失故。

(Sao: Đối với pháp chánh đạo và pháp trợ đạo đáng nên niệm, tâm chẳng lay động, mất chánh niệm).

“*Ứng niệm*” là chúng ta quyết trạch pháp môn, chọn vững vàng pháp môn Tịnh Độ này, bảo quý vị niệm A Di Đà Phật, đó là pháp chánh đạo. Pháp trợ đạo là gì? Vẫn là một câu A Di Đà Phật. Ngẫu Ích đại sư dạy: “*Chánh đạo và trợ đạo đều là một câu A Di Đà Phật*”. Các vị tổ sư đại đức khác nói: Một câu A Di Đà Phật là chánh đạo, lục độ vạn hạnh là trợ đạo. Lấy niệm Phật làm chủ, coi những pháp môn khác là phụ trợ. Thậm chí tu học kinh luận khác, chẳng hạn như Trí Giả đại sư là tổ sư tông Thiên Thai, suốt đời hoằng dương Pháp Hoa, giảng Pháp Hoa, còn chiếu theo phương pháp tu học của Pháp Hoa là Chỉ Quán, nhưng chính Ngài niệm Phật câu sanh Tây Phương thế giới. Từ đây trở đi, không ít người nghiên cứu những kinh điển khác, nhưng cầu sanh Tịnh Độ, giống như cư sĩ Giang Vị Nông vào thời cận đại. Ông ta suốt đời nghiên cứu kinh Kim Cang, bỏ thời gian suốt bốn mươi năm nơi kinh Kim Cang, đưa ra khẩu hiệu là “*giáo tông Bát Nhã, hành tại Di Đà*” (về giáo thì đề cao

Bát Nhã, nhưng hành trì nơi Di Đà), ông ta niệm Phật sanh Tịnh Độ. Thời đầu Dân Quốc, pháp sư Ứng Từ suốt đời giảng Hoa Nghiêm, về giáo đề cao kinh Hoa Nghiêm, nhưng cũng niệm A Di Đà Phật cầu vãng sanh. Pháp sư Viên Anh suốt đời nghiên cứu kinh Lăng Nghiêm, từ năm hai mươi lăm tuổi, Sư đã lưu ý Lăng Nghiêm, bộ Lăng Nghiêm Kinh Giảng Nghĩa do Sư giảng. Sư suốt đời chuyên dốc sức nơi kinh Lăng Nghiêm. Sư sáng lập Viên Minh Giảng Đường tại Thượng Hải. Chử Viên Minh lấy ý nghĩa từ Quán Thế Âm Bồ Tát Nhĩ Căn Viên Thông trong kinh Thủ Lăng Nghiêm, Ngài sáng lập Lăng Nghiêm Chuyên Tông Học Viện. Trong phòng khách, Ngài treo một bức hoành phi đề “*Tam Cầu Đường*”, [ý nói] suốt đời Ngài cầu ba chuyện: Cầu phước, cầu huệ, cầu sanh Tịnh Độ. Sư suốt đời nghiên cứu kinh Lăng Nghiêm, nhưng niệm Phật cầu sanh Tịnh Độ. Những vị này đều lấy niệm Phật làm pháp chánh đạo, dùng pháp môn khác làm pháp trợ đạo, nhằm giúp đỡ gì? Giúp cho thân tâm thanh tịnh. Ngẫu Ích đại sư bảo chúng ta: Tuy xưa nay, nhiều vị đại đức dùng pháp môn khác, hoặc dùng kinh luận khác làm pháp trợ đạo, nói chung, đều chẳng bằng dùng một câu A Di Đà Phật làm pháp trợ đạo, chẳng phải là càng tốt đẹp hơn ư? Chánh cũng là A Di Đà Phật, mà Trợ cũng là A Di Đà Phật, quý vị quyết định vãng sanh. Trong Di Đà Yếu Giải, Ngẫu Ích đại sư đã khuyên dạy chúng ta như vậy, phù hợp giáo huấn “*phát Bồ Đề tâm, nhất hướng chuyên niệm*” trong kinh Vô Lượng Thọ.

“*Tâm bất động thất cố*” (Do tâm chẳng lay động, mất chánh niệm), câu này hết sức trọng yếu. Nói thật ra, có không ít đồng học nói chung là trong đời quá khứ (đương nhiên đều là học Phật), học rất tạp, học rất loạn. Nếu chẳng tạp, chẳng loạn, quý vị đã sớm vãng sanh, làm sao có mặt ở đây cho được? Chẳng thể nào! Do trong đời quá khứ, quý vị đã học quá tạp, quá loạn, nên chẳng thể thành công đến Tây Phương Cực Lạc thế giới. Đời này gặp gỡ, tiếp tục tu tập, tuy lại tu, đối với nhiều pháp môn và nhiều kinh luận như thế bèn động tâm. Thấy cái này cũng thích, cái kia chẳng dỡ buông xuống, [đó là] tập khí trong đời quá khứ, những tập khí ấy tổn hại quý vị. Nếu chẳng thể đoạn trừ tập khí ấy, đời này quý vị chẳng có hy vọng vãng sanh. Vì thế, phải giác ngộ, phải thống thiết hạ quyết tâm, phải bỏ sạch những thứ ấy! Kinh luận tốt đẹp, ưa thích quá! Khi nào lại đọc chúng? Khi nào ta nắm chắc vãng sanh rồi lại xem chúng, chẳng sợ! Vẫn chưa nắm chắc vãng sanh mà làm những chuyện ấy, đó là làm chuyện xen tạp, càng chẳng thể nắm chắc, càng hồng bét! Thật sự phải giác ngộ điều này! Vì thế, tôi khuyên các đồng tu, chưa nắm chắc vãng sanh, tốt nhất đừng nên xem thứ khác, kinh luận đều chẳng xem, hướng hồ những thứ

khác. Có thể sanh về Tây Phương, người ấy bèn thành Phật. Một người vãng sanh là có thêm một vị Phật, hai người vãng sanh là có thêm hai vị Phật. Họ thành Phật, trong tương lai sẽ phổ độ chúng sanh, đó mới là công đức chân thật, mới có thể tiêu hóa hết thấy các thứ cúng dường, mới là phước điền chân chánh của trời và người. Câu này rất trọng yếu, “*tâm bất động thật*”. Nếu tâm động, chánh niệm bèn mất đi.

(Sao) Bát, Chánh Định giả, dĩ vô lậu trí tương ứng, chánh trụ ư lý, quyết định bất di cố. Giai ngôn chánh giả, dĩ bất y thiên tà danh Chánh, năng chí Niết Bàn danh Đạo.

(鈔) 八、正定者，以無漏智相應，正住於理，決定不移故。皆言正者，以不依偏邪名正，能至涅槃名道。

(Sao: Tám là Chánh Định, do tương ứng với vô lậu trí, nên chánh trụ nơi lý, quyết định chẳng đổi dời. Điều nói là Chánh, vì chẳng lệch lạc, tà vạy, nên gọi là Chánh, có thể đạt tới Niết Bàn nên gọi là Đạo).

Câu sau nhằm giải thích câu trước. Vì sao cả tám điều đều gọi là Chánh, đều gọi là Đạo, đều gọi là Chánh Đạo. Chánh Định (Samyak-samādhī) là dùng trí huệ chân thật (vô lậu trí là trí huệ chân thật, mà cũng là cái tâm trí huệ, là chân tâm trí huệ, trí huệ là tên gọi khác của chân tâm) tương ứng với Lý. Vô Lượng Thọ là Lý, tên gọi tiếng Phạn của Vô Lượng Thọ là A Di Đà. Nếu chúng ta tâm luôn niệm A Di Đà, trong mỗi niệm, tâm thật sự là A Di Đà, quý vị đã “*chánh trụ ư lý*”. Vì cái tâm năng niệm của quý vị là tâm Thi Giác, đó là giác tâm. Người mê chẳng thể niệm A Di Đà, người giác ngộ trong mỗi niệm đều niệm A Di Đà. Vì vậy, niệm A Di Đà là phá mê khai ngộ, niệm A Di Đà là trái trăn hợp giác. Câu A Di Đà là Lý Thể của Bản Giác, đó là Chánh Định. “*Quyết định chẳng dời*”: Hết thấy các pháp môn thế gian và xuất thế gian bày ra trước mặt, trong tâm quyết định chẳng lay động; đó là Chánh Định trong tông này. Định bao lâu? Thừa cùng quý vị, có công phu hai, ba năm, quý vị thật sự định nơi địa vị này; do công phu hai, ba năm, bèn chứng quả. Tối thiểu là quý vị chứng đắc công phu thành phỉen, cũng có nghĩa là tuy phỉen nào chẳng đoạn, chẳng khởi hiện hành, nhưng quý vị vãng sanh, chính mình có thể cảm nhận xác thực là thật sự có nắm chắc, vì tâm hạnh của quý vị tương ứng với những gì kinh điển đã dạy.

Hai câu sau nói theo Tịnh Tông càng hết sức rõ rệt. “*Bất y thiên tà*” (Chẳng nương theo lệch lạc, tà vạy), bèn gọi là Chánh. Giác nhưng không thiên lệch, hai bên thiện và ác đều chẳng lệch lạc, đó là Tịnh nghiệp.

“*Năng chí Niết Bàn*” (Có thể đạt tới Niết Bàn). Vãng sanh bất thoái, không chỉ bất thoái, mà còn là viên chứng ba thứ Bất Thoái. Nói cách khác, là hạ hạ phẩm vãng sanh. Trừ phi chẳng thể vãng sanh, chỉ cần quý vị vãng sanh Tây Phương Cực Lạc thế giới, sự thụ dụng, thần thông, và đạo lực của quý vị giống như Đẳng Giác Bồ Tát. Do đó, Ngẫu Ích đại sư tán thán: “*Ngàn kinh muôn luận chẳng có chuyện này, trong mười phương cõi Phật cũng chẳng có, đây là pháp môn lạ lùng, đặc biệt chẳng thể nghĩ bàn*”. Đây là cách giải thích thông thường, đã trình bày cùng quý vị danh tướng của Bát Chánh Đạo. Đoạn kế đó là cách nói theo kinh Hoa Nghiêm, còn những điều vừa nói trên đây áp dụng chung cho Đại Thừa và Tiểu Thừa nhằm giải thích danh từ Pháp Tướng, nhưng trong khi giải thích, chúng tôi luôn quy về cách tu học trong tông này. Hôm nay chúng tôi giảng tới chỗ này!